

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 20/3/2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyền

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 42/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2022/QĐXX-HNGĐPT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Võ Thúy D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 8 ấp TT, xã PT, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 205, Tổ 18, ấp TT, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố Đông Tiến, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 và bà Võ Thị Lệ Th, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 475, ấp ĐĐ xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Bá L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 671, ấp TT, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

4. Người làm chứng:

Bà Phan Thị Dg, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Ông Trần Thanh Nh, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 167, tổ 5, ấp TT, xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 209, tổ 18, ấp TT, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Bà Phan Mỹ H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 69, đường QT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn chị Nguyễn Võ Thúy D trình bày:*** Chị D và anh C tự tìm hiểu quen nhau khoảng hơn 02 năm, thì tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống vợ chồng vào năm 2007, đến năm 2010 đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/2010.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Quá trình chung sống tính tình đôi bên Kg hợp, bất đồng quan điểm, cách cư xử, sinh hoạt hàng ngày, mỗi người có suy nghĩ và hành động khác nhau; vợ chồng thiếu quan tâm, chăm sóc và Kg thông cảm cho nhau, từ đó đôi bên thường xảy ra mâu thuẫn và cự cãi với nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sự cố gắng đó Kg mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Chung sống Kg hạnh phúc nên chị D và anh C đã tự ly thân với nhau từ tháng 4/2016 cho đến nay, Kg ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm Kg còn, mục đích hôn nhân Kg đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 26/10/2009 và Trần Tịnh Ngh, sinh ngày 12/9/2016.

Về tài sản chung: Chị D xác nhận vợ chồng có tài sản chung bao gồm:

+ 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, trị giá 44.000.000 đồng, hiện chị D đang quản lý, sử dụng.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCTIER biển số 68X1-31862, trị giá 58.000.000 đồng, do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng.

+ 01 căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại ấp TT, xã PT, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Theo kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá Tư vấn xây dựng Định Vượng căn nhà có giá trị là 86.081.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng Kg có tài sản nào khác.

+ Đối với tài sản là số tiền mặt là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2018 là Kg có. Chị D xin rút lại yêu cầu chia tài sản là số tiền nêu trên.

- Về tài sản là phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là của cha, mẹ chị D là bà Th, ông K, Kg phải là tài sản chung của chị D, anh C. Trong “GIẤY LY HÔN VÀ CHIA TÀI SẢN” lập ngày 14/5/2017 thì anh C cũng xác nhận là tài sản của cha mẹ vợ và đồng ý trả.

- Về nợ: Chị D xác định, quá trình chung sống vợ chồng, anh C có lấy hàng hóa, vật tư của cha, mẹ vợ là bà Th, ông K để kinh doanh buôn bán. Tại thời điểm vợ chồng làm giấy ly thân là tháng 5/2017 thì số hàng hóa, vật tư mà vợ chồng đang kinh doanh mua bán có giá trị khoản 200 triệu đồng. Tại thời điểm này, sau khi tổng hợp, đối chiếu sổ sách thì còn nợ cha mẹ vợ ông K, bà Th số tiền là 88.000.000 đồng. Khi vợ chồng ly thân, anh C tiếp tục quản lý sử dụng số hàng hóa, vật tư nêu trên để kinh doanh buôn bán nên anh C có nghĩa vụ trả cho ông K, bà Th số tiền 88.000.000 đồng. Số tiền này anh C đã thừa nhận và đồng ý trả theo “GIẤY LY HÔN VÀ CHIA TÀI SẢN” lập ngày 14/5/2017.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị D yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Tại bản trình bày nguyện vọng, người con tên Trần Nguyễn Thanh Thúy thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ là chị D. Chị D yêu cầu được nuôi 02 người con chung, Kg yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản:

+ Đối với các tài sản chung, bao gồm: 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, trị giá 44.000.000 đồng, hiện chị D đang quản lý, sử dụng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCTIER biển số 68X1-31862, trị giá 58.000.000 đồng, do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng và 01 căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Các tài sản chung nêu trên thì giữa chị D và anh C đã tự thỏa thuận phân chia xong, Kg yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D xin rút lại yêu cầu chia các tài sản chung này.

+ Đối với tài sản là số tiền mặt là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) mà chị D yêu cầu chia, theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2018 là Kg có. Chị D xin rút lại yêu cầu chia tài sản là số tiền nêu trên.

- Chị D yêu cầu anh C giao trả lại phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cho cha mẹ ông K, bà Th. Ông K, bà Th thối lại cho anh C giá trị căn nhà theo kết quả định giá là 86.081.000 đồng.

Trong “GIẤY LY HÔN VÀ CHIA TÀI SẢN” lập ngày 14/5/2017 thì anh C cũng xác nhận là tài sản của cha mẹ vợ và đồng ý trả.

- Về nợ: Yêu cầu cá nhân anh C có nghĩa vụ trả cho ông K, bà Th số tiền mua hàng hóa, vật tư còn nợ là 88.000.000 đồng. Số tiền này anh C đã thừa nhận và đồng ý trả theo “GIẤY LY HÔN VÀ CHIA TÀI SẢN” lập ngày 14/5/2017.

- Bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Anh C xác nhận về quan hệ hôn nhân, anh C và chị D tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn như nội Dg chị D trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh C cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng Kg còn tin tưởng, quan tâm, chăm sóc cho nhau; chung sống Kg hạnh phúc nên cả hai đã ly thân từ tháng 04/2016, anh C cũng Kg còn tình cảm với chị D nên đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Thanh Thúy, sinh ngày 26/10/2009 và Trần Tịnh Nghiêm, sinh ngày 12/9/2016.

- Về tài sản chung: Anh C xác nhận vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, trị giá 44.000.000 đồng, hiện chị D đang quản lý, sử dụng.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCTIER biển số 68X1-31862, trị giá 58.000.000 đồng, do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng.

+ 01 căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại: Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang mà anh C đang sinh sống. Anh C thống nhất với kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá Tư vấn xây dựng Định Vượng căn nhà có giá trị là 86.081.000 đồng.

Anh C cho rằng vợ chồng còn có tài sản chung là:

+ Phần đất tọa lạc tại: Số 205, tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang mà anh C đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc phần đất trên là do vợ chồng của anh C mua lại của bà Phan Mỹ H, do chị D đứng tên mua theo giấy chuyển nhượng nhà ở, đất ở ngày 30/01/2013. Tiền nhận chuyển nhượng là của vợ chồng anh C, chị D nhưng anh C nhờ cha mẹ vợ đứng ra giao dịch, thỏa thuận với bà H, sau đó anh C đưa tiền cho cha mẹ vợ trả cho bà H. Anh C thống nhất với kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá Tư vấn xây dựng Định Vượng phần đất có giá trị là 345.443.000 đồng. Ngoài ra, anh C xác nhận vợ chồng Kg có tài sản chung nào khác.

- Về nợ: Đối với số tiền 88.000.000 đồng ghi trong Giấy ly hôn và chia tài sản chung. Do cha mẹ vợ anh C cũng bán vật tư, phụ tùng xe đạp, bình xịt thuốc trừ sâu.... trong thời gian vợ chồng anh C còn chung sống với nhau chị D cũng có lấy đồ của cha mẹ vợ về bán, sau đó đến buổi thỏa thuận ngày 14/5/2017 cha mẹ vợ mới tính ra số tiền là 88.000.000 đồng. Tại thời điểm lập giấy thỏa thuận ly hôn và chia tài sản do anh C chỉ mới mở tiệm, thiếu nợ nhiều người và còn phải nuôi con. Nếu thời điểm này anh C yêu cầu ra Tòa án hoặc lấy các món tài sản khác thì phải đóng cửa tiệm, cuộc sống sẽ gặp khó khăn. Vì vậy, anh C mới miễn cưỡng nhận số tiền nợ 88.000.000 đồng và hẹn 01 năm trả hết nợ cho cha mẹ vợ. Anh C cho rằng, đây là nợ chung của vợ chồng nên mỗi người đều phải có trách nhiệm trả nợ. Anh C xác nhận, khi vợ chồng ly thân, anh C là người quản lý số vật tư nêu trên và đã bán hết, số tiền bán được anh C tiếp tục lấy hàng hóa khác về bán lại để duy trì hoạt động kinh doanh.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh C yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh C đồng ý thuận tình ly hôn với chị D.
- Về con chung: Anh C đồng ý giao 02 người con tên Trần Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 26/10/2009 và Trần Tịnh Ngh, sinh ngày 12/9/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D Kg yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Đối với các tài sản chung, bao gồm: 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, trị giá 44.000.000 đồng, hiện chị D đang quản lý, sử dụng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCTIER biển số 68X1-31862, trị giá 58.000.000 đồng, do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng và 01 căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Các tài sản chung nêu trên thì giữa anh C và chị D đã tự thỏa thuận phân chia xong, Kg yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D xin rút lại các yêu cầu chia tài sản chung, anh C đồng ý và Kg có ý kiến gì khác.

+ Anh C yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tọa lạc tại: Số 205, Tổ 8, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang mà anh C đang quản lý và đồng ý thối lại cho chị D $\frac{1}{2}$ giá trị đất theo kết quả định giá là 172.721.500 đồng.

+ Đối với các tài sản khác mà anh C trình bày trong các bản tự khai ngày 21/12/2018, bản tự khai bổ sung ngày 26/12/2019 và trong các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của Tòa án gồm: 25 chỉ vàng 18k, trị giá 55.000.000 đồng; tiền mặt 140.000.000 đồng; 01 tivi Sam sung màn hình phẳng mua 10.000.000 đồng; 01 máy giặt mua 9.000.000 đồng; 01 tủ lạnh 140 lít mẹ vợ cho năm 2013; 01

máy hàn mẹ vợ cho năm 2011 và các tài sản khác thì anh C chỉ trình bày, Kg yêu cầu Tòa án giải quyết, Kg có yêu cầu phản tố.

- Về nợ chung: Anh C yêu cầu, anh C và chị D mỗi người trả 1/2 số nợ là 44.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị Lệ Th trình bày: Ông K, bà Th là cha mẹ ruột của chị D, còn anh C là con rể. Vào năm 2013 ông, bà có cho vợ chồng anh C, chị D mượn phần đất ngang 5m, dài 18m để làm nơi kinh doanh mua bán. Sau khi nhận đất vợ chồng anh C, chị D có xây cất căn nhà tiền chế bằng sắt, mái lợp tol, tường xây xi măng có hiện trạng như hiện nay.

Nguồn gốc phần đất nêu trên là do vợ chồng ông K, bà Th nhận chuyển nhượng từ bà Phan Mỹ Hà với giá 110.000.000 đồng, mọi giao dịch đều do vợ chồng bà Th, ông K trực tiếp giao dịch với bà Hà, tiền là của vợ chồng bà Th, ông K trả. Tuy nhiên, mục đích của ông, bà khi mua phần đất này là muốn để lại cho con là chị D làm ăn, sinh sống nên khi xác lập giấy tờ mua bán với bà Hà thì ông, bà ghi tên chị D để khi làm các thủ tục đứng tên cho thuận tiện. Vì vậy, trong Giấy chuyển nhượng nhà ở, đất ở ngày 30/01/2013 mới ghi tên Nguyễn Võ Thúy D là người nhận chuyển nhượng. Do phần đất này chưa được cấp giấy nên hai bên Kg có lập thành hợp đồng chuyển nhượng, chỉ làm giấy mua bán với nhau đề ngày 30/01/2013. Còn Giấy tay sang nhượng đất nhà ở đề ngày 04/02/2013 âm lịch thì sau này bà Th yêu cầu bà Hà xác nhận lại cho đúng nội Dg là bà Th là người trực tiếp nhận chuyển nhượng.

Anh C cho rằng đây là tài sản chung của anh C, chị D và yêu cầu chia là Kg đúng sự thật, nên ông K, bà Th Kg đồng ý.

+ Đối với số nợ 88.000.000 đồng thì tại buổi thỏa thuận phân chia tài sản tại nhà của anh C, có mặt gia đình hai bên anh C đã thừa nhận và đồng ý trả. Số nợ này là do trong thời gian anh C, chị D chung sống vợ chồng, khi anh C mở tiệm bán vật tư thì anh C có lấy các vật tư: Phụ tùng máy xít thuốc trừ sâu, phụ tùng sửa xe đạp ... đến thời điểm vợ chồng anh C, chị D phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân thì tổng hợp lại anh C đã lấy vật tư còn nợ với tổng cộng số tiền là 88.000.000 đồng. Vì vậy, tại buổi thỏa thuận phân chia tài sản tại nhà của anh C, có mặt gia đình hai bên anh C đã thừa nhận và đồng ý trả.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông K, bà Th yêu cầu:

+ Ông K, bà Th thống nhất với kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá Tư vấn xây dựng Định Vượng phần đất có giá trị là 345.443.000 đồng, căn nhà trên đất có giá trị là 86.081.000 đồng. Ông K, bà Th yêu cầu anh C giao trả lại phần đất

và đồng ý thôi lại cho anh C giá trị căn nhà theo kết quả định giá là 86.081.000 đồng.

+ Yêu cầu anh C có nghĩa vụ trả cho ông K, bà Th số tiền vật tư còn nợ là 88.000.000 đồng. Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu thì phía ông K, bà Th Kg yêu cầu anh C phải trả mà tự nguyện hỗ trợ cho anh C toàn bộ số tiền này để làm chi phí di dời đồ đạc đi nơi khác.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông K, bà Th đã nộp toàn bộ chi phí số tiền là 4.413.001 đồng và tự nguyện chịu số tiền trên.

* *Người làm chứng bà Phan Thị Dg trình bày:* Bà Dg là mẹ ruột của anh C. Bà Dg xác nhận, tại thời điểm công bố “GIẤY LY HÔN VÀ CHIA TÀI SẢN ngày 14/5/2017” tại nhà anh C thì bà trực tiếp có mặt, có nghe bên phía gia đình chị D đọc lại nội Dg nhưng bà Kg nhớ được nội Dg gì, chỉ biết giấy thỏa thuận trên là để giải quyết vấn đề hôn nhân giữa chị D và anh C. Tuy nhiên, bà cho rằng chữ ký và ghi họ tên Phan Thị Dg trong Giấy ly hôn và chia tài sản chung đề ngày 14/5/2017 Kg phải là do bà tự ký và ghi họ tên vì bà Kg biết chữ, còn ai ký và ghi họ tên dùm thì bà Kg biết.

Tại thời điểm công bố Giấy ly hôn và chia tài sản chung nêu trên thì phía gia đình bên bà gồm có: Trần Văn C; bà Phan Thị Dg và người con thứ 2 của bà là Trần Thanh Nhân. Phía bên chị D có: chị Nguyễn Võ Thúy D; ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th. Ngoài ra, còn có ai Kg thì bà Kg biết, vì bà Kg biết những người còn lại là ai.

* *Người làm chứng ông Trần Văn Nhân trình bày:* Ông Nhân là anh ruột của Trần Văn C. Ông Nhân xác nhận chữ ký và ghi họ tên trong Giấy ly hôn và chia tài sản chung đề ngày 14/5/2017 đúng là của ông Nhân. Tại buổi thỏa thuận nêu trên phía gia đình bên ông gồm có: Trần Văn C; Mẹ là bà Phan Thị Dg và ông là Trần Thanh Nhân. Phía bên chị D có: chị D và cha mẹ là ông K, bà Th. Ngoài ra, còn có sự chứng kiến của những người hàng xóm của anh C. Do thời gian đã lâu nên ông Kg nhớ rõ các nội Dg cụ thể mà hai bên đã thống nhất được với nhau; các nội Dg được ghi trong Giấy ly hôn và chia tài sản chung nêu trên là nhằm mục đích giải quyết dứt điểm về vấn đề hôn nhân, tài sản chung và các khoản nợ giữa anh C, chị D và đã được hai bên gia đình thống nhất. Trước khi lập Giấy ly hôn và chia tài sản chung ngày 14/5/2017 thì giữa hai bên gia đình cũng có gặp và trao đổi với nhau, sau khi thống nhất được với nhau mới lập Giấy ly hôn và chia tài sản chung. Ông Nhân yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 42/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Võ Thúy D và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị D và anh C: Giao 02 người con tên Trần Nguyễn Thanh Thúy, sinh ngày 26/10/2009 và Trần Tịnh Nghiêm, sinh ngày 12/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D Kg yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Kg ai được cản trở. Người Kg trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản:

3.1 Buộc anh Trần Văn C di dời đồ đạc trả lại cho ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th nhà, đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, thuộc thửa đất số 2812, diện tích 80,9m² (trong đó có 57,4m² thuộc quy hoạch lộ giới) theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/5/2019 và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 317-2019 (2812 - 12) ngày 31/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá. Mọi chi phí thực hiện di dời anh Trần Văn C phải chịu.

Anh Trần Văn C được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày quan hệ hôn nhân của anh C và chị D chấm dứt.

Ông K, bà Th được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th, về việc: ông K, bà Th thối lại cho anh Trần Văn C giá trị căn nhà được xây dựng trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, theo kết quả định giá tương đương số tiền là 86.081.000đ (Tám mươi sáu triệu Kg trăm tám mươi một ngàn đồng). Hai bên trực tiếp thực hiện hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá thực hiện.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.3 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Võ Thúy D đối với yêu cầu chia các tài sản chung, gồm: 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, hiện chị D đang quản lý, sử dụng; 01 chiếc xe EXCTIER biển số 68X1-31862 do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng; Căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và số tiền mặt 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Do chị D rút yêu cầu khởi kiện.

3.4 Đối với các tài sản mà anh C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, gồm: 25 chỉ vàng 18k, trị giá 55.000.000 đồng; tiền mặt 140.000.000 đồng; 01 tivi Sam sung màn hình phẳng mua 10.000.000 đồng; 01 máy giặt mua 9.000.000 đồng; 01 tủ lạnh 140 lít mẹ vợ cho năm 2013; 01 máy hàn mẹ vợ cho năm 2011 và các tài sản khác (nếu có) thì anh C chỉ trình bày, Kg yêu cầu Tòa án giải quyết, Kg có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử Kg xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc anh C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th số tiền 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th hỗ trợ cho anh Trần Văn C toàn bộ số tiền nợ phải trả là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) để di dời đồ đạc để trả lại cho ông K, bà Th nhà, đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 24 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh Trần Văn C có đơn kháng cáo với nội Dg: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận nhà, đất tọa lạc tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là tài sản chung của anh và chị D. Anh C yêu cầu được nhận hiện vật, trả ½ giá trị cho chị D với số tiền 215.762.000 đồng. Yêu cầu công nhận khoản tiền nợ 88.000.000 đồng nợ bà Th, ông K là nợ chung, chị D phải có trách nhiệm trả 44.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Trần Văn C rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung và nợ chung và rút toàn bộ kháng cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét Kg buộc anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 17.272.150 đồng vì anh C Kg được chia tài sản, hoàn cảnh rất khó khăn.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Võ Thúy D trình bày: Do anh C rút yêu cầu phản tố và rút kháng cáo, Kg còn yêu cầu chia tài sản và nợ nên chị Kg có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị Lê Th trình bày: Do anh C rút yêu cầu phản tố và rút kháng cáo, Kg còn yêu cầu chia tài sản và nợ nên ông, bà Kg có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn húc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội Dg: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của anh Trần Văn C, đình chỉ xét xử phúc thẩm, sửa bản án hôn nhân sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc rút kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là anh Trần Văn C rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của anh Trần Văn C là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Văn C.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, anh C yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng nhưng Kg được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm 42/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; anh C Kg phải chịu án phần án phí.

[3]. Án phí phúc thẩm: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm Kg có kháng cáo, Kg bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Văn C; Sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 38, Điều 91, Điều 93, Điều 97; khoản 4 Điều 147; Điều 157, Điều 164; Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 220, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 33, Điều 38, Điều 40, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 63, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 6 Điều 26; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Võ Thúy D và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị D và anh C: Giao 02 người con tên Trần Nguyễn Thanh Thúy, sinh ngày 26/10/2009 và Trần Tịnh Nghiêm, sinh ngày 12/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D Kg yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Kg ai được cản trở. Người Kg trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản:

3.1. Buộc anh Trần Văn C di dời đồ đạc trả lại cho ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th nhà, đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, thuộc thửa đất số 2812, diện tích 80,9m² (trong đó có 57,4m² thuộc quy hoạch lộ giới) theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/5/2019 và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 317-2019 (2812 - 12) ngày 31/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá. Mọi chi phí thực hiện di dời anh Trần Văn C phải chịu.

Anh Trần Văn C được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày quan hệ hôn nhân của anh C và chị D chấm dứt.

Ông K, bà Th được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th, về việc ông K, bà Th thối lại cho anh Trần Văn C giá trị căn nhà được xây dựng trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, theo kết quả định giá tương đương số tiền là 86.081.000đ (Tám mươi sáu triệu Kg trăm tám mươi một ngàn đồng). Hai bên trực tiếp thực hiện hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá thực hiện.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Võ Thúy D đối với yêu cầu chia các tài sản chung, gồm: 01 chiếc xe Airblade, biển số 68X-03740 do anh C đứng tên, hiện chị D đang quản lý, sử dụng; 01 chiếc xe EXCTIER biển số 68X1-31862 do anh C đứng tên và đang quản lý, sử dụng; Căn nhà được cất trên phần đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và số tiền mặt 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Do chị D rút yêu cầu khởi kiện.

3.4. Đối với các tài sản mà anh C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, gồm: 25 chỉ vàng 18k, trị giá 55.000.000 đồng; tiền mặt 140.000.000 đồng; 01 tivi Sam sung màn hình phẳng mua 10.000.000 đồng; 01 máy giặt mua 9.000.000 đồng; 01 tủ lạnh 140 lít mẹ vợ cho năm 2013; 01 máy hàn mẹ vợ cho năm 2011 và các tài sản khác (nếu có) thì anh C chỉ trình bày, Kg yêu cầu Tòa án giải quyết, Kg có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử Kg xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc anh C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th số tiền 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th hỗ trợ cho anh Trần Văn C toàn bộ số tiền nợ phải trả là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) để di dời đồ đạc để trả lại cho ông K, bà Th nhà, đất tọa lạc tại Tổ 18, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Như vậy, quyền và nghĩa vụ của anh Trần Văn C và ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Lệ Th trong việc trả số tiền nợ và hỗ trợ chi phí di dời đồ đạc đã thực hiện xong.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông K, bà Th nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 4.413.001đ (Bốn triệu bốn trăm mười ba ngàn Kg trăm linh một đồng). Ông K, bà Th đã thực hiện xong.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

+ Chị D phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chị D đã tạm nộp 2.050.000 đồng theo biên L thu tiền tạm ứng án phí số 0000288, ngày 19/11/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá nên chị D được hoàn trả lại tiền án phí còn thừa là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Anh C Kg phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh C được trả lại số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên L thu tiền tạm ứng án phí số 0000466, ngày 18/02/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

+ Hoàn trả lại cho ông K, bà Th số tiền 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên L thu số 0001602, ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh C phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên L thu số 0000177 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. Rạch Giá;
- THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn